TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 526/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Trúc L , sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Đông Tâm B, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L : Ông Mai Thiên T là Luật sư Văn phòng luật sư Huỳnh Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Hồng N , sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Tâm B, xã T , huyện Đ , tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 trong qúa trình giải quyết nguyên đơn ông Võ Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nhiên chung sống với nhau vào năm 1996, đến

năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tính không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vả, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và hiện vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Nhiên.

Về nuôi con chung: Con chung tên Võ Thùy D , sinh năm 1997 và Võ Bảo D , sinh năm 2006, hiện Bảo D đang sống cùng bà N . Khi ly hôn ông đồng ý giao Bảo D cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Đối với Thùy D đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vào ngày 08/01/2020 ông L có đơn thay đổi nôi dung về cấp dưỡng nuôi con với lý do sau. Do ông và bà N đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản, ông đồng ý giao cho ba N quản lý sử dụng toàn bộ tài sản của vợ chồng nên khi ly hôn không đồng ý cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Võ Bảo D .

Về tài sản chung: Ông Linh tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L xác định kkhông có.

- *Đối với bị đơn bà Trần Hồng N* : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà N theo quy định pháp luật, nhưng bà N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông L .

- Ông Mai Thiên T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L xác định. Vợ chồng ông L , bà N không còn quan tâm, chăm sóc, chia se, không còn thương yêu nhau nên trái với nguyên tắc của pháp luật về hôn nhân gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Cho ông L được ly hôn với bà N .

Về con chung: Giao cháu Võ Bảo D cho bà N tiếp tục nuôi dạy.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 56; Điều 81; khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Trúc L , cho ông L ly hôn với bà N ; Về nuôi con chung: Giao Võ Bảo D cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con bà N chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung các bên tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Án phí ông L chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Bà Trần Hồng N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà N vắng mặt không có lý do. Vào ngày 09/01/2020, ông L và Luật sư T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L , bà N và Luật sư T .

[2] *Về hôn nhân*: Ông L và bà N kết hôn vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 11/4/2019 đăng ký theo giấy chứng nhận kết hôn số 44/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, hôn nhân hợp pháp. Ông L yêu cầu ly hôn với bà Nhiên do các nguyên nhân sau: Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tình tính không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vả. Nay, ông L yêu cầu được ly hôn với bà N . Đối với bà N , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ bà N để tham gia hòa giải nhưng bà N vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông L . Ngoài ra, vợ chồng ông bà đã ly thân và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trong quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình…".* Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L về việc ly hôn với bà N .

[3] *Về con chung:* Tên Võ Bảo D , sinh năm 2006, hiện Bảo D đang sống cùng bà N . Khi ly hôn ông đồng ý giao Bảo D cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"* viện dẫn từ điều luật trên, theo biên bản ghi ý kiến của cháu Bảo D vào ngày 15/01/2020, cháu Bảo D có nguyện vọng ở với bà N . Do đó, cần giao cháu Bảo D cho bà N nuôi dưỡng. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con bà N chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Ông L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Ông L xác định không có.

[6] Ý kiến của viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhân.

[7] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Linh là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhân.

[8] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Trúc L .

1. Về hôn nhân: Cho ông Võ Trúc L ly hôn với bà Trần Hồng N .

2. Về nuôi con chung: Giao Võ Bảo D , sinh năm 2006 cho bà N tiếp trực trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ông Võ Trúc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con bà N chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

3. Về chia tài sản: Ông L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010006 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông L , bà N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sư;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Giang Nam